

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Phương án Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy số 55/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 150/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1605/TTr-SNNMT ngày 24/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Phương án Bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ rừng và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình để khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Đảng ủy các xã, phường;
- Chi cục Kiểm lâm vùng 2;
- Các chủ rừng Nhà nước (Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHƯƠNG ÁN
Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa,
giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy số 55/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 nhấn mạnh tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 150/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ sở thực tiễn

Thanh Hóa là một tỉnh nằm phía Bắc vùng Bắc Trung Bộ với 647.672 ha rừng, trong đó diện tích rừng tự nhiên 393.361 ha, rừng trồng 254.311 ha. Độ che phủ rừng đạt 53,91 % (diện tích rừng đủ tiêu chuẩn để tính độ che phủ toàn tỉnh là 599.224 ha)¹. Diện tích rừng toàn tỉnh được phân bố từ miền núi xuống đồng bằng, ven biển, với 52.050 ha rừng có nguy cơ cháy cao có lớp thảm thực bì dày, khô nỏ, đặc biệt là tại các khu rừng Thông, rừng hỗn giao Nứa Gõ, rừng

¹ Quyết định số 769/QĐ-UBND, ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt, công bố hiện trạng rừng năm 2024.

Nứa, Vầu, Le..., trong đó, tập trung ở 2 khu vực:

Các xã miền núi phía Tây với gần 42.000 ha rừng trọng điểm cháy với trạng thái là rừng hỗn giao nứa - gỗ, rừng nứa, vầu, le..., thực bì chủ yếu là: Cỏ tranh, lau lách, cây bông hôi, cành khô lá rụng, cây nứa, vầu, le chết khô nỏ...

Mùa cháy rừng: Mùa cháy rừng bắt đầu từ tháng 12 năm trước kéo dài đến giữa tháng 5 năm sau trong đó thời kỳ cao điểm cháy rừng từ cuối tháng 02 đến đầu tháng 5.

Nguyên nhân chính gây cháy rừng: Do người dân dùng lửa để xử lý thực bì trong sản xuất nông - lâm nghiệp gây cháy lan vào rừng; sử dụng lửa đốt ong, bắt cần khi đi rừng gây cháy rừng, do cháy lan từ Lào sang.

- Các xã trung du và đồng bằng ven biển với hơn 10.000 ha rừng trọng điểm cháy, phần lớn là rừng trồng Thông, thực bì dưới tán rừng chủ yếu là rừng rậm, cỏ tranh, lau lách, cành khô, lá thông rụng và nứa tếp ở khu vực núi Nứa; đây là khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng rất cao của tỉnh và có thể xảy ra cháy lớn trong mùa khô hanh, nắng nóng.

Mùa cháy rừng: Mùa khô hanh, nắng nóng bắt đầu từ tháng 12 năm trước đến tháng 8 năm sau, thời kỳ cao điểm từ tháng 5 đến tháng 8 hằng năm.

Nguyên nhân gây cháy rừng: Người dân sử dụng lửa bắt cần khi đốt dọn vườn, đốt vệ sinh rừng sau khai thác rừng trồng, đốt xử lý thực bì để khai thác khoáng sản, xử lý thực bì trồng rừng, hóa vàng mã, đốt ong, sử dụng lửa bắt cần của các em học sinh, thanh niên, du khách đi du lịch trong rừng vào kỳ nghỉ Tết, nghỉ hè... ngoài ra còn có một số nguyên nhân khác như cô ý đốt do mâu thuẫn.

Mặt khác, Thanh Hoá được đánh giá là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến rất phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán và nắng nóng gay gắt. Vào mùa khô hàng năm tình hình cháy rừng có diễn biến hết sức phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng cao ở hầu hết các vùng trọng điểm cháy trên địa bàn tỉnh.

3. Sự cần thiết phải xây dựng Phương án

Từ những vấn đề pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng “Phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá” là hết sức cần thiết, cấp bách để các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, chủ rừng chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ vững ổn định an ninh rừng, quản lý chặt chẽ nguồn lâm sản trên địa bàn; thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ các nguyên nhân gây cháy rừng, chuẩn bị sẵn sàng chữa cháy rừng (CCR) theo phương châm 4 tại chỗ; đặc biệt tại những địa bàn trọng điểm có nguy cơ phá rừng, cháy rừng cao.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu chung: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, chủ rừng, các ngành có liên quan trong công tác bảo vệ rừng (BVR), phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) và ý thức chấp hành pháp luật về BVR, PCCCR của nhân dân; chủ động ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép; quản lý chặt chẽ các nguyên nhân gây cháy rừng; chủ động chữa cháy rừng kịp thời, hiệu quả theo phương châm 4 tại chỗ; hạn chế thấp nhất các vụ cháy rừng và thiệt hại tài nguyên rừng do cháy rừng gây ra.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo giữ vững ổn định rừng tại gốc, tuyên truyền vận động nhân dân, các ban ngành, đoàn thể tham gia quản lý, bảo vệ rừng, quản lý chặt chẽ nguồn lửa, không để xảy ra cháy rừng; không để xảy ra các tụ điểm, điểm nóng về khai thác, xâm lấn, phá rừng, mua bán, vận chuyển, kinh doanh chế biến, lâm sản trái pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự chủ động và nâng cao khả năng phối hợp của các ban ngành đoàn thể, các chủ rừng, sự đồng thuận của nhân dân; phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng theo phương châm phòng là chính, chữa cháy rừng phải kịp thời, hiệu quả, hạn chế tối đa các vụ cháy rừng gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

- Kiểm soát chặt chẽ không để xảy ra xâm lấn rừng trái pháp luật, đặc biệt tại các vùng trọng điểm có nguy cơ xâm lấn, tranh chấp và những khu vực canh tác nương rẫy giáp với rừng tự nhiên của người dân.

2. Yêu cầu: Chủ động trong công tác BVR, PCCCR; xác định PCCCR phòng ngừa là chính; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, cháy rừng; sẵn sàng nhân lực, nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị cho công tác BVR, PCCCR; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong công tác BVR PCCCR; thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ, bao gồm: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ; chỉ đạo, chỉ huy thống nhất; phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng; trong quá trình chữa cháy rừng đảm bảo an toàn theo thứ tự ưu tiên: Người, tài sản, các công trình, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy rừng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chính quyền cấp xã nhận thức, quán triệt sâu sắc công tác BVR, PCCCR là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các biện pháp BVR, PCCCR.

- Quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với công tác BVR, PCCCR; kiện toàn, củng cố lực lượng PCCCR ở cơ sở; tăng cường kiểm tra của cấp ủy về thực hiện công tác BVR,

PCCCR đối với các xã trọng điểm an ninh rừng, cháy rừng, nhằm chủ động, quyết tâm, đề tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện toàn diện, hiệu quả các giải pháp PCCCR.

- Tăng cường kiểm tra đôn đốc, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, chủ rừng và giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ BVR, PCCCR ở cơ sở; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, thiếu trách nhiệm để xảy ra cháy rừng, thiết lập trật tự, kỷ cương trong công tác BVR, PCCCR.

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo đúng quy định tại Điều 102, Luật Lâm nghiệp; phát huy vai trò của người đứng đầu chính quyền cấp xã trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

2. Công tác xây dựng, bổ sung, chỉnh lý Phương án, Kế hoạch BVR, PCCCR

- Hằng năm, trên cơ sở Phương án BVR, PCCCR cấp tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương, cấp xã xây dựng Phương án, Kế hoạch để triển khai thực hiện hiệu quả công tác BVR, PCCCR trên địa bàn.

- Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, UBND cấp xã được giao quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, bổ sung, chỉnh lý Phương án PCCCR trên diện tích được Nhà nước giao theo Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp

Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, chủ rừng trong công tác BVR, PCCCR:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng chương trình, tuyên truyền về BVR, PCCCR cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, học sinh, sinh viên và quần chúng nhân dân.

- Nội dung tuyên truyền, phổ biến: Văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các pháp luật liên quan; trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây cháy và giải pháp phòng ngừa; biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng; biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và

sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng; thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng; hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, báo tin khi cháy rừng xảy ra; hướng dẫn quy trình xử lý khi có cháy rừng xảy ra; thực tập phương án chữa cháy rừng và cứu nạn, cứu hộ, kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến: Tổ chức hội nghị, họp chuyên đề về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng hoặc lồng ghép chuyên đề về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng với hoạt động khác; quy định nội dung bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng vào hương ước, quy ước của cộng đồng thôn, bản; ký cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh ở cơ sở, nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư sống gần rừng, các trang mạng xã hội; phát hành tờ rơi, xây dựng bảng tin, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển cấm lửa tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng.

4. Công tác tuần tra, kiểm tra an ninh rừng, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp

- Các lực lượng: Công an, Quân sự, Kiểm lâm và các lực lượng chức năng khác phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra an ninh rừng nhằm phát hiện sớm các hành vi xâm hại vào rừng; điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về phá rừng (chặt, đốt, phá cây rừng, đào, bới, san ủi, nổ mìn, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên, xả chất độc hoặc các hành vi khác gây thiệt hại đến rừng với bất kỳ mục đích gì...), khai thác, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

- Giám sát chặt chẽ việc chuyển nhượng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, nhất là rừng tự nhiên; tổ chức rà soát lại diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, nhằm phát hiện, xử lý kịp thời tình trạng sang nhượng, mua bán đất có rừng tự nhiên trái pháp luật.

5. Trực gác lửa rừng, dự báo và phát hiện sớm cháy rừng

- Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các lực lượng chức năng liên quan rà soát, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn; tổ chức trực và canh gác tại các khu rừng có nguy cơ cháy rừng cao. Thực hiện nghiêm túc việc trực chỉ huy CCR; thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo sớm cháy rừng trên Website của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; thông báo cấp cháy rừng ở cấp tỉnh và cấp xã theo quy định.

- Người trực có trách nhiệm: Theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cảnh báo cháy rừng và thông báo cho lực lượng chức năng

liên quan kiểm tra, xác minh. Tiếp nhận thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng của người dân và báo cáo lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

6. Xây dựng lực lượng BVR, PCCCR

Nâng cao năng lực, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng PCCCR chuyên ngành để sẵn sàng tăng cường, hỗ trợ cơ sở thực hiện nhiệm vụ PCCCR. Triển khai thực hiện tốt chương trình phối hợp BVR, PCCCR giữa lực lượng Kiểm lâm với Công an, Quân sự, Biên phòng. Kiện toàn lực lượng PCCCR ở cấp xã, lấy lực lượng DQTV, Công an xã làm nòng cốt; tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ BVR, PCCCR, diễn tập cơ chế chỉ huy CCR cho lực lượng DQTV và các lực lượng BVR, PCCCR cấp xã; đối với chủ rừng là tổ chức, thành lập quản lý và duy trì hoạt động của tổ, đội PCCCR, theo Điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

7. Chuẩn bị lực lượng BVR, PCCCR

Rà soát, bổ sung phương án, bản đồ tác chiến CCR theo phương châm 4 tại chỗ, kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, hậu cần CCR ở cấp tỉnh, cấp xã, thôn (bản) trọng điểm cháy và chủ rừng nhà nước; yêu cầu lực lượng, phương tiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ phải đảm bảo sẵn sàng tại địa phương, đơn vị; khi xảy ra cháy rừng phải huy động được ngay để kịp thời CCR.

8. Mua sắm, trang thiết bị máy móc phục vụ công tác BVR, PCCCR

- Hằng năm UBND cấp xã, chủ rừng, căn cứ loại rừng và điều kiện, yêu cầu thực tế để bố trí kinh phí trang bị, bổ sung phương tiện, máy móc, thiết bị chuyên dùng cho phòng cháy và chữa cháy rừng, dụng cụ phục vụ PCCCR trên địa bàn theo đúng quy định.

- Lập kế hoạch mua sắm, đầu tư, trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy rừng cho lực lượng chuyên ngành về BVR, PCCCR phải bảo đảm về số lượng và chất lượng, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy và chữa cháy rừng trong mọi tình huống cháy rừng, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và chủ rừng. Phương tiện, thiết bị BVR, PCCCR được quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên theo quy định.

9. Trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin và chữa cháy rừng

9.1. Quy định về tiếp nhận, xử lý thông tin, chế độ báo cáo cháy rừng

- Người nhận được tin báo cháy (kể cả cháy rừng, cháy thực bì) phải báo cáo ngay Chủ tịch UBND cấp xã, lực lượng Kiểm lâm (Lực lượng chuyên ngành về PCCCR) hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất để chỉ đạo kiểm tra xác minh cụ thể. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm phải báo cáo ngay bằng điện thoại cho Chi cục trưởng Kiểm lâm và Tổ trực PCCCR chuyên ngành cấp tỉnh.

- Kiểm lâm cấp tỉnh là cơ quan kiểm tra, tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin số liệu về diện tích, số vụ cháy rừng cho cơ quan cấp trên; các lực lượng, đơn vị có liên quan trước khi thông tin, báo cáo cấp trên về diện tích, số vụ cháy rừng phải thống nhất với cơ quan Kiểm lâm các cấp.

- Chế độ báo cáo cháy rừng thực hiện theo Điều 10, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

9.2. Trách nhiệm chữa cháy rừng

a) Trách nhiệm chữa cháy rừng của khu phố, thôn (bản), chủ rừng

- Khi xảy ra cháy (kể cả cháy rừng và cháy thực bì trên đất lâm nghiệp không có rừng), trường hợp Chính quyền địa phương, lực lượng chuyên trách chữa cháy rừng chưa có mặt tại hiện trường thì Trưởng thôn (bản), Tổ trưởng tổ dân phố, chủ rừng phải huy động ngay lực lượng, máy móc, thiết bị, dụng cụ, hậu cần tại chỗ của khu phố, thôn (bản), chủ rừng để CCR; đồng thời báo cáo ngay cho Chủ tịch UBND cấp xã biết để chỉ đạo và chuẩn bị phương án hỗ trợ thôn CCR khi đám cháy vượt tầm kiểm soát của khu phố, thôn (bản). Trưởng thôn (bản), Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng; trường hợp Trưởng thôn (bản), Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì người được ủy quyền là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

- Khi đám cháy có nguy cơ vượt tầm kiểm soát của khu phố, thôn (bản), Trưởng khu phố, thôn (bản) báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị hỗ trợ chữa cháy rừng.

b) Trách nhiệm chữa cháy rừng của cấp xã

- Khi nhận được thông tin, báo cáo của Thôn (bản), khu phố về cháy rừng, Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo, chỉ huy toàn diện hoạt động chữa cháy rừng trên địa bàn; huy động, điều phối và phân công lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng. Trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã không có mặt tại hiện trường thì người giữ chức vụ cao nhất của lực lượng Kiểm lâm có mặt tại hiện trường vụ cháy là người chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng.

- Khi đám cháy có nguy cơ vượt tầm kiểm soát của xã, Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời thông tin cho Chủ tịch các xã giáp ranh đề nghị hỗ trợ xã CCR.

c) Trách nhiệm chữa cháy rừng của cấp tỉnh

- Khi nhận được báo cáo cháy rừng của cấp xã, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, chỉ huy toàn diện hoạt động chữa cháy rừng trên địa bàn; huy động, điều phối và phân công lực lượng, người, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, tài sản của các cơ quan, ngành: Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Biên phòng, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Kiểm lâm vùng II, ... tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng.

- Khi nhận được báo cáo đề nghị hỗ trợ xã chữa cháy rừng, Chủ tịch UBND tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ, hậu cần theo kế hoạch của tỉnh để hỗ trợ xã CCR.

(Có danh sách lực lượng, phương tiện, thiết bị, bảng đặc điểm, đặc trưng các

tình huống cháy rừng theo các phụ lục đính kèm)

- Chi cục Kiểm lâm, Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Y tế... hàng năm rà soát lực lượng, phương tiện, dụng cụ tham gia chữa cháy rừng của đơn vị mình nếu có biến động, thay đổi báo cáo về Văn phòng BCĐ tỉnh (qua Chi cục Kiểm lâm) để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung.

10. Điều tra khắc phục hậu quả sau cháy rừng

- Chủ rừng xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, bao gồm: Diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị thiệt hại; thiệt hại về người, tài sản và các thiệt hại khác (nếu có).

- Sau khi đám cháy được dập tắt, Cơ quan Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, cơ quan Công an xác định nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng, mức độ thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ mức độ thiệt hại, chủ rừng xác định và thực hiện các giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy, gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc trồng rừng bổ sung hoặc trồng rừng mới.

11. Phòng cháy chữa cháy rừng đối với các xã miền núi

a) Quản lý các nguyên nhân gây cháy rừng:

Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, đốt xử lý thực bì trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng.

b) Ngăn chặn cháy lan từ Lào sang:

- Tiếp tục đầu tư làm mới và tu sửa các đường băng cản lửa đã xây dựng các năm trước khu vực biên giới có nguy cơ cháy lan từ Lào sang các xã biên giới, trọng tâm là xã: Mường Chanh, Quang Chiêu, Mường Lát, Tam Chung, Pù Nhi, Nhi Sơn, Trung Lý, Hiền Kiệt, Na Mèo, Sơn Thủy...

- Lực lượng Biên phòng, tăng cường trình sát ngoại tuyến để phát hiện sớm các vụ cháy rừng từ nước bạn Lào có nguy cơ cháy lan sang Việt Nam, báo cáo kịp thời với Đoàn trưởng Biên phòng, BCĐ xã để chủ động tổ chức lực lượng ngăn chặn.

12. Phòng cháy chữa cháy rừng đối với các xã trung du, đồng bằng ven biển

a) Quản lý chặt chẽ các nguyên nhân gây cháy rừng, như: Sử dụng lửa trong các lễ hội, các khu vui chơi giải trí, tham quan, du lịch sinh thái trong và ven rừng; hóa vàng mã tại các đền chùa, nghĩa trang, nghĩa địa; đốt bãi rác; đốt xử lý thực bì trồng rừng, vệ sinh ruộng, vườn, vệ sinh rừng sau khai thác; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn để hạn chế cố ý đốt phá hoại rừng ...

b) Quản lý vật liệu cháy, xây dựng đường băng cản lửa: Hàng năm UBND cấp xã, chủ rừng có trách nhiệm xây dựng phương án, kế hoạch thực

hiện việc làm giảm vật liệu cháy, xây dựng đường băng cản lửa để phòng ngừa nguy cơ cháy rừng.

- ***Làm giảm vật liệu cháy toàn diện (phát mới và phát dọn lại):*** Chính quyền địa phương, chủ rừng huy động nguồn lực phát dọn làm giảm vật liệu cháy trên diện tích rừng Thông, rừng trồng có nguy cơ cháy cao, kết hợp phát chăm sóc rừng trung bình 530 ha/năm. Thời gian thực hiện làm giảm vật liệu cháy dưới tán rừng Thông từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 4 năm sau.

- ***Xây dựng mới và phát dọn lại vật liệu cháy dưới tán rừng theo băng:***

Tiếp tục đầu tư làm giảm vật liệu cháy mới và làm lại theo băng trên diện tích rừng Thông, rừng trồng có nguy cơ cháy cao, dự kiến mỗi năm phát mới và phát dọn lại trung bình 160 ha/năm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Các Sở, ngành, địa phương, chủ rừng căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 và các quy định khác có liên quan để bố trí kinh phí thực hiện công tác BVR, PCCCR hàng năm ở địa phương, đơn vị.

- Nguồn kinh phí: Từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đầu tư cho công tác BVR, PCCCR hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các xã, phường:

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác BVR, PCCCR và các nhiệm vụ, giải pháp phương án đề ra; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về BVR, PCCCR, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, đơn vị. Chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, chủ rừng trong công tác BVR, PCCCR, đặc biệt tại những địa bàn trọng điểm có nguy cơ phá rừng, cháy rừng cao; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng từ cơ quan Kiểm lâm để chủ động dự báo, cảnh báo cháy rừng tại địa phương; chỉ đạo kiểm tra, xác minh các điểm cháy để kịp thời phát hiện và xử lý cháy rừng trên địa bàn.

- Xác định nhiệm vụ BVR, PCCCR là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chấp hành thực hiện nghiêm túc công tác BV&PTR, PCCCR theo đúng chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 13-CT/TW, Kết luận 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư.

2. Các sở, ban ngành cấp tỉnh

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm bố trí tối đa lực lượng, bám sát địa bàn, tăng

cường công tác tuần tra, kiểm tra an ninh rừng, truy suất nguồn gốc lâm sản, để phối hợp hỗ trợ cấp ủy chính quyền địa phương và tăng cường lực lượng PCCCR chuyên ngành để thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nội dung của Phương án.

- Đôn đốc, kiểm tra trực chỉ huy CCR từ tỉnh đến xã, chủ rừng nhà nước; sẵn sàng hỗ trợ tham gia chữa cháy cùng các địa phương khi có cháy rừng xảy ra.

- Tham mưu cho BCD tỉnh đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện công tác PCCCR của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tổng hợp báo cáo cấp trên theo quy định.

b) Công an tỉnh: Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế, Kế hoạch phối hợp BVR, PCCCR với lực lượng Kiểm lâm trong kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện nhiệm vụ PCCCR; tham gia hỗ trợ nghiệp vụ trong tập huấn, huấn luyện và diễn tập BVR, PCCCR cho các địa phương, đơn vị; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, hậu cần để hỗ trợ địa phương, đơn vị CCR; chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra nguyên nhân, đối tượng gây cháy rừng để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phối hợp BVR, PCCCR giữa lực lượng Quân sự, Biên phòng và Kiểm lâm từ tỉnh đến xã; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, hậu cần để hỗ trợ địa phương, đơn vị CCR; chỉ đạo lực lượng DQTV phối hợp chặt chẽ với Kiểm lâm địa bàn để thực hiện công tác BVR, PCCCR, trọng tâm là: Tham gia làm giảm vật liệu cháy, tuần tra, kiểm soát an ninh rừng, trực gác lửa rừng tại các khu rừng trọng điểm trong những ngày nguy cơ cháy rừng cao, trực tiếp tham gia CCR khi cháy rừng xảy ra. Chỉ đạo các Đoàn biên phòng làm tốt công tác BVR, PCCCR trên diện tích rừng được giao; thường xuyên theo dõi diễn biến các vụ cháy rừng từ Lào có nguy cơ cháy lan sang Thanh Hóa, báo cáo Chủ tịch UBND xã để huy động lực lượng phòng chống kịp thời.

d) Sở Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện công tác BVR, PCCCR; hướng dẫn các xã, đơn vị bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ BVR, PCCCR trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo Ban quản lý các Khu di tích, danh lam thắng cảnh, Ban quản lý lễ hội Đền, Chùa, miếu mạo khu vực gần rừng phối hợp với UBND cấp xã, lực lượng kiểm lâm để triển khai thực hiện tốt Phương án BVR, PCCCR, tăng cường công tác tuyên truyền cho du khách thập phương sử dụng lửa đảm bảo an toàn trong khu vực diễn ra lễ hội Đền, Chùa.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ đạo các trường học phối hợp chặt chẽ với Hạt Kiểm lâm để tổ chức tuyên truyền, giáo dục các em học sinh chấp hành tốt các quy định BVR, PCCCR.

f. Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tư pháp, Dân tộc và Tôn giáo: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ BVR, PCCCR.

g) Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh: Phối hợp với cơ quan kiểm lâm tăng thời lượng chuyên mục về công tác BVR, PCCCR; bản tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng nhằm tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia BVR, PCCCR; thực hiện nghiêm các quy định về BVR, PCCCR.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh: Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức ý thức đối với công tác PCCCR, chú trọng triển khai trong các chi đoàn nhà trường; tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác BVR, PCCCR. Chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan Kiểm lâm, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nắm bắt tìm hiểu nguyên nhân, hòa giải các mâu thuẫn phát sinh trong khu dân cư, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác PCCCR.

4. Đề nghị Chi cục Kiểm lâm vùng II: Hỗ trợ về lực lượng, phương tiện dụng cụ chữa cháy rừng khi cần thiết.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Phụ lục 01: Danh sách lực lượng, cấp tỉnh sẵn sàng tham gia BVR, PCCCR

TT	Đơn vị	Số lượng (người)	Địa điểm đóng quân
I	Cơ quan Kiểm lâm vùng II	10	KĐT Bắc Cầu Hạc, Phường Hàm Rồng
II	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	62	
1	Văn phòng Chi cục	40	Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	22	305A Đường Bà Triệu, Phường Hàm Rồng
III	Bộ Chỉ huy Quân Sự tỉnh	17.395	
1	Cơ quan Bộ CHQS tỉnh	50	Phường Hạc Thành
2	Đại đội 17	25	Phường Sầm Sơn
3	Đại đội 18	10	Phường Hạc Thành
4	Đại đội TSCG	40	Phường Hạc Thành
5	Trung đoàn 762	150	Phường Quảng Phú
6	Ban chỉ huy phòng thủ khu vực	635	
7	Lực lượng dân quân thường trực, DQCD các địa phương	16.140	
	Ban CHBD Biên phòng tỉnh	345	
1	Cơ quan BCH BP tỉnh	30	Số 12 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Đồn Biên phòng Đa Lộc	15	Xã Vạn Lộc
3	Đồn Biên phòng Hoằng Trường	15	Xã Hoằng Tiến
4	Đồn Biên phòng Sầm Sơn	15	Phường Sầm Sơn
5	Đồn Biên phòng Hải Hòa	15	Phường Tĩnh Gia
6	Ban chỉ huy BP Cảng CK Nghi Sơn	15	Phường Nghi Sơn
7	Đồn Biên phòng Tam Chung	20	Xã Tam Chung
8	Đồn Biên phòng Tén Tản	20	Xã Mường Lát
9	Đồn Biên phòng Quang Chiêu	20	Xã Quang Chiêu
10	Đồn Biên phòng Trung Lý	20	Xã Trung Lý
11	Đồn Biên phòng Pù Nhi	20	Xã Pù Nhi
12	Đồn Biên phòng Hiền Kiệt	20	Xã Hiền Kiệt
13	Đồn Biên phòng Mường Mìn	20	Xã Mường Mìn
14	Đồn BP CK Na Mèo	20	Xã Na Mèo
15	Đồn Biên phòng Tam Thanh	20	Xã Tam Thanh
16	Đồn Biên phòng Yên Khương	20	Xã Yên Khương
17	Đồn Biên phòng Bát Mọt	20	Xã Bát Mọt
18	Tiểu đoàn HL Cơ động	20	Xã Thiết Ống

TT	Đơn vị	Số lượng (người)	Địa điểm đóng quân
IV	Công an tỉnh	372	
1	Đội Công tác CC và CNCH	59	01 Đỗ Huy Cư, Phường Hạc Thành
2	Đội CS PCCC và CNCH Trên sông	32	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
3	Đội CC và CNCH khu vực 1	43	Đường Nguyễn Mộng Tuân, phường Đông Sơn
4	Đội CC và CNCH khu vực 2	31	TDP. Bắc Hải, Phường Nghi Sơn
5	Đội CC và CNCH khu vực 3	30	Khu 11 Ngọc Trạo, Phường Quang Trung
6	Đội CC và CNCH khu vực 4	28	Thôn Phố Mới, Xã Tây Đô
7	Đội CC và CNCH khu vực 5	27	Thôn Thọ Lâm, xã Sao Vàng
8	Đội CC và CNCH khu vực 6	26	75 Lê Lộ, xã Ngọc Lặc
9	Đội CC và CNCH khu vực 7	26	Thôn 3, xã Hoa Lộc
10	Đội CC và CNCH khu vực 8	25	Số 262 QL45, Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống
11	Đội CC và CNCH khu vực 9	25	Thôn Thị Từ, xã Triệu Sơn
12	Đội CC và CNCH khu vực 10	20	28 Lê Thái Tổ, xã Bá Thước
Tổng		17.839	

**Phụ lục 02: Danh sách phương tiện, máy móc, thiết bị sẵn sàng tham gia
BVR, PCCCR**

TT	Phương tiện, máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa điểm tập kết
I	Xe con chỉ huy các loại		31	
1	Chi cục Kiểm lâm tỉnh		7	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	3	Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
-	Đội KLCĐ và PCCCR	Chiếc	4	305A Đường Bà Triệu – Phường Hàm Rồng
2	Công an tỉnh	Chiếc	1	Phòng CS PCCC và CNCH
3	Bộ CHQS tỉnh			
-	Văn phòng Bộ CHQS tỉnh	Chiếc	1	Phường Hạc Thành
-	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	22	Số 12 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
II	Xe ô tô chở người và thiết bị		111	
1	Bộ CHQS tỉnh	Chiếc	5	
-	Văn phòng Bộ CHQS		3	Phường Hạc Thành
-	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	2	Số 12 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Chi cục Kiểm lâm		2	
-	Đội KLCĐ và PCCCR	Chiếc	2	305A Đường Bà Triệu – Phường Hàm Rồng
3	Kiểm lâm vùng II	Chiếc	2	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc
4	Sở Xây dựng		86	
-	Trường TCN GTVT Thanh Hóa	Chiếc	15	Số 02 Dốc Ga, Phường Hạc Thành
-	Trường TCN Hưng Đô	Chiếc	7	Xã Thiệu Trung
-	Trường CDKT VICET	Chiếc	8	Phường Quảng Phú
-	TT Giáo dục nghề nghiệp đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học- Học viện cảnh sát nhân dân	Chiếc	12	Phường Nguyệt Viên
-	Trường CDN - Li Lama	Chiếc	02	Phường Bim Sơn
-	TT Đào tạo lái xe mô tô và bổ túc nghề- Công ty cổ phần vận tải ô tô số 4	Chiếc	06	Phường Bim Sơn
-	Các DN vận tải	Chiếc	36	
5	Công an tỉnh		16	Phường Hạc Thành
-	Đội Tham mưu	Chiếc	1	
-	Đội Công tác phòng cháy	Chiếc	1	
-	Đội Công tác CC và CNCH	Chiếc	2	
-	Đội Hậu cần, QLPT PCCC và CNCH	Chiếc	1	
-	Đội CS PCCC và CNCH Trên sông	Chiếc	1	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 1	Chiếc	1	Đường Nguyễn Mộng Tuân, phường Đông Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 2	Chiếc	1	TDP. Bắc Hải, Phường Nghi Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 3	Chiếc	1	Khu 11 Ngọc Trạo, Phường Quang Trung
-	Đội CC và CNCH khu vực 4	Chiếc	1	Thôn Phố Mới, Xã Tây Đô

TT	Phương tiện, máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa điểm tập kết
-	Đội CC và CNCH khu vực 5	Chiếc	1	Thôn Thọ Lâm, xã Sao Vàng
-	Đội CC và CNCH khu vực 6	Chiếc	1	75 Lê Lộ, xã Ngọc Lặc
-	Đội CC và CNCH khu vực 7	Chiếc	1	Thôn 3, xã Hoa Lộc
-	Đội CC và CNCH khu vực 8	Chiếc	1	Số 262 QL45, Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống
-	Đội CC và CNCH khu vực 9	Chiếc	1	Thôn Thị Từ, xã Triệu Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 10	Chiếc	1	28 Lê Thái Tổ, xã Bá Thước
III	Xe chữa cháy, CNCH		25	
1	Công an tỉnh		25	
-	Đội Công tác CC và CNCH	Chiếc	3	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
-	Đội CS PCCC và CNCH Trên sông	Chiếc	2	Đường Nguyễn Mộng Tuân, phường Đông Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 1	Chiếc	2	TDP. Bắc Hải, P. Nghi Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 2	Chiếc	2	Khu 11 Ngọc Trạo, Phường Quang Trung
-	Đội CC và CNCH khu vực 3	Chiếc	2	Thôn Phố Mới, Xã Tây Đô
-	Đội CC và CNCH khu vực 4	Chiếc	2	Thôn Thọ Lâm, xã Sao Vàng
-	Đội CC và CNCH khu vực 5	Chiếc	2	75 Lê Lộ, xã Ngọc Lặc
-	Đội CC và CNCH khu vực 6	Chiếc	2	Thôn 3, xã Hoa Lộc
-	Đội CC và CNCH khu vực 7	Chiếc	2	Số 262 QL45, Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống
-	Đội CC và CNCH khu vực 8	Chiếc	2	Thôn Thị Từ, xã Triệu Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 9	Chiếc	2	28 Lê Thái Tổ, xã Bá Thước
-	Đội CC và CNCH khu vực 10	Chiếc	2	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
IV	Xe cứu thương		16	
1	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	1	Số 12 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Sở Y tế	Chiếc	15	
-	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	Chiếc	2	Phường Hạc Thành
-	Trung tâm y tế Nga Sơn	Chiếc	2	Xã Nga Sơn
-	Bệnh viện đa khoa Quan Hoá	Chiếc	2	Xã Hồi Xuân
-	Trung tâm Kiểm nghiệm	Chiếc	1	
-	Bệnh viện đa khoa Hà Trung	Chiếc	2	Xã Hà Trung
-	Bệnh viện đa khoa Quảng Xương	Chiếc	2	Xã Tân Phong
-	Bệnh viện đa khoa Bim Sơn	Chiếc	1	Phường Bim Sơn
-	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	Chiếc	2	Xã Hậu Lộc
-	Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh	Chiếc	1	
V	Xe mô tô 2 bánh		34	
1	Chi cục Kiểm lâm		10	Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
-	<i>Văn Phòng Chi cục</i>	Chiếc	4	<i>Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành</i>
-	<i>Đội KLCD và PCCCR</i>	Chiếc	6	<i>305A Đường Bà Triệu, Phường Hàm Rồng</i>
2	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	24	Số 12 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
VI	Tàu tuần tra		10	
1	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	10	
-	Đồn Biên phòng Đa Lộc	Chiếc	1	Xã Vạn Lộc
-	Đồn Biên phòng Hoằng Trường	Chiếc	1	Xã Hoằng Tiến

TT	Phương tiện, máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa điểm tập kết
-	Đồn Biên phòng Sầm Sơn	Chiếc	1	Phường Sầm Sơn
-	Đồn Biên phòng Hải Hòa	Chiếc	1	Phường Tĩnh Gia
-	Ban CH BP Cảng CK Nghi Sơn	Chiếc	1	Phường Nghi Sơn
-	Hải đội 2	Chiếc	5	Phường Tĩnh Gia
VII	Máy bơm cao áp và phụ kiện		31	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	Chiếc	3	Phường Hạc Thành
2	Chi cục Kiểm lâm		8	
3	Kiểm lâm vùng II	Chiếc	5	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc
4	Công an tỉnh		15	
-	Đội Công tác CC và CNCH	Chiếc	1	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
-	Đội CS PCCC và CNCH Trên sông	Chiếc	2	Đường Nguyễn Mộng Tuân, phường Đông Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 1	Chiếc	1	TDP. Bắc Hải, Phường Nghi Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 2	Chiếc	2	Khu 11 Ngọc Trạo, Phường Quang Trung
-	Đội CC và CNCH khu vực 3	Chiếc	1	Thôn Phố Mới, Xã Tây Đô
-	Đội CC và CNCH khu vực 4	Chiếc	1	Thôn Thọ Lâm, xã Sao Vàng
-	Đội CC và CNCH khu vực 5	Chiếc	2	75 Lê Lộ, xã Ngọc Lặc
-	Đội CC và CNCH khu vực 6	Chiếc	1	Thôn 3, xã Hoa Lộc
-	Đội CC và CNCH khu vực 7	Chiếc	1	Số 262 QL45, Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống
-	Đội CC và CNCH khu vực 8	Chiếc	1	Thôn Thị Từ, xã Triệu Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 9	Chiếc	1	28 Lê Thái Tổ, xã Bá Thước
-	Đội CC và CNCH khu vực 10	Chiếc	1	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
XIII	Máy thổi gió		81	
1	Chi cục Kiểm lâm	Chiếc	36	03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Kiểm lâm vùng II	Chiếc	15	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc
3	Bộ CHQS tỉnh	Chiếc	25	Phường Hạc Thành
4	Công an tỉnh	Chiếc	5	Phường Hạc Thành
IX	Máy cắt thực bì	Chiếc	19	
1	Chi cục Kiểm lâm		19	Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
X	Cưa xăng		54	
1	Chi cục Kiểm lâm	Chiếc	11	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	3	Số 03 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
-	Đội KLCD và PCCCR	Chiếc	4	305A Đường Bà Triệu – Phường Hàm Rồng
-	Trạm Kiểm lâm Quang Trung	Chiếc	4	Xã Ngọc Lặc
2	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	8	Số 12 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
-	Đồn Biên phòng Pù Nhi	Chiếc	1	Xã Pù Nhi
-	Đồn Biên phòng Mường Mìn	Chiếc	1	Xã Mường Mìn
-	Đồn Biên phòng Tam Thanh	Chiếc	1	Xã Tam Thanh
-	Đồn Biên phòng Yên Khương	Chiếc	2	Xã Yên Khương
-	Đồn Biên phòng Bát Mọt	Chiếc	2	Xã Bát Mọt
-	Ban CHBPCKC Nghi Sơn	Chiếc	1	Phường Nghi Sơn
3	Kiểm lâm vùng II	Chiếc	10	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc

TT	Phương tiện, máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa điểm tập kết
4	Bộ CHQS tỉnh	Chiếc	25	Phường Hạc Thành
XI	Bình chữa cháy	Chiếc	165	
1	Bộ CHQS tỉnh	Chiếc	100	Phường Hạc Thành
2	Chi cục Kiểm lâm	Chiếc	25	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	5	Số 03 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
-	Đội KLCD và PCCCR	Chiếc	10	305A Đường Bà Triệu – Phường Hàm Rồng
-	Trạm Kiểm lâm Quang Trung	Chiếc	10	Xã Ngọc Lặc
3	Ban chỉ huy BDBP tỉnh	Chiếc	40	Số 12 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
XII	Loa cầm tay		42	
1	Chi cục Kiểm lâm	Chiếc	12	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	5	Số 03 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
-	Đội KLCD và PCCCR	Chiếc	3	305A Đường Bà Triệu – Phường Hàm Rồng
-	Trạm Kiểm lâm Quang Trung	Chiếc	4	Xã Ngọc Lặc
2	Kiểm lâm vùng II	Chiếc	10	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc
3	Ban CHBDBP tỉnh	Chiếc	20	Phường Hạc Thành
XIII	Định vị toàn cầu		5	
1	Chi cục Kiểm lâm		5	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	3	Số 03 Hạc Thành – Phường Hạc Thành
-	Trạm Kiểm lâm Quang Trung	Chiếc	2	Xã Ngọc Lặc
XIV	Máy phát điện		11	
1	Chi cục Kiểm lâm		1	
-	Văn Phòng Chi cục	Chiếc	1	Số 03 Hạc Thành, Phường Hạc Thành
2	Cảnh sát PCCC tỉnh		8	
-	Đội CS PCCC và CNCH Trên sông	Chiếc	2	03 Đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 1	Chiếc	1	Đường Nguyễn Mộng Tuân, phường Đông Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 2	Chiếc	4	TDP. Bắc Hải, Phường Nghi Sơn
-	Đội CC và CNCH khu vực 3	Chiếc	2	Khu 11 Ngọc Trạo, Phường Quang Trung
-	Đội CC và CNCH khu vực 4	Chiếc	1	Thôn Phố Mới, Xã Tây Đô
	Đội CC và CNCH khu vực 6	Chiếc	1	Thôn 3, xã Hoa Lộc
	Đội CC và CNCH khu vực 7	Chiếc	1	Số 262 QL45, Thôn Đồng Thọ, xã Nông Cống
3	Bộ CHQS tỉnh			
-	Văn phòng Bộ chỉ huy	Chiếc	20	Phường Hạc Thành
-	Ban CHBDBP tỉnh	Chiếc	20	Tại văn phòng BCH và các Đoàn BP
XV	Nhà bạt chỉ huy		47	
1	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	Bộ	43	
	Văn phòng Bộ chỉ huy	Bộ	25	Phường Hạc Thành
	Ban CHBDBP tỉnh	Bộ	18	Phường Hạc Thành

TT	Phương tiện, máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa điểm tập kết
2	Chi cục Kiểm lâm	Bộ	2	
-	<i>Đội KLCD và PCCCR</i>	Bộ	1	<i>305A Đường Bà Triệu, Phường Hàm Rồng</i>
-	<i>Trạm Kiểm lâm Quang Trung</i>	Bộ	1	<i>Xã Ngọc Lặc</i>
3	Kiểm lâm vùng II	Bộ	2	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc

Phụ lục 03: Đặc điểm, đặc trưng của các tình huống cháy rừng

Đặc điểm, đặc trưng	Cấp thôn/bản	Cấp xã	Cấp tỉnh
Quy mô, diện tích đám cháy	Phạm vi, diện tích hẹp, nhỏ, cục bộ, thường xảy ra gần khu dân cư, khu vực sản xuất nương rẫy	Phạm vi diện tích trung bình, liên thôn; đám cháy nhỏ liên xã	Phạm vi, diện tích đám cháy cháy lớn, liên xã, liên vùng, các khu vực khó tiếp cận
Loại rừng	Xảy ra ở rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng (Rừng trồng thông, keo có thảm thực bì là rành rành, cỏ tranh, lau lách, cành khô, lá thông rụng đối với vùng sinh thái 1 và rừng hỗn giao nửa - gỗ, rừng nửa, vầu, le..., thực bì chủ yếu là cỏ tranh, lau lách, cây bông hời, cành khô lá rụng, cây nửa, vầu, le chết khô nở đối với vùng 2)		
Nguyên nhân	Do hoạt động sử dụng lửa để xử lý thực bì, canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, đốt nương làm rẫy, đốt ong, bất cẩn trong quá trình sử dụng lửa; thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài, gió Lào, cháy lan từ Lào sang		
Tốc độ phát triển cháy, khả năng không chế đám cháy	Tốc độ đám cháy chậm; khả năng không chế đám cháy cao; ít gây thiệt hại về tài nguyên rừng	Tốc độ đám cháy trung bình đến nhanh; khả năng không chế đám cháy cao nếu phát hiện kịp thời; gây thiệt hại về tài nguyên rừng	Tốc độ lửa lan tràn rất nhanh, khó kiểm soát; khả năng không chế phụ thuộc vào chỉ huy, phương tiện, con người và các điều kiện thời tiết; thiệt hại lớn về tài nguyên, môi trường, kinh tế, xã hội,...
Lực lượng chữa cháy	Cộng đồng dân cư, thôn, bản tại chỗ	Chính quyền địa phương cấp xã, lực lượng Công an, Quân sự, Kiểm lâm đóng trên địa bàn; huy động hỗ trợ lực lượng của các xã, đơn vị giáp ranh	Chính quyền địa phương cấp tỉnh, các sở, ngành, các lực lượng Công an, Quân Sự, Kiểm lâm; Ban chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tỉnh
Thời điểm cháy	Từ tháng 12 năm trước đến giữa tháng 8 năm sau đối với vùng 1 và từ tháng 12 năm trước đến giữa tháng 5 năm sau đối với vùng 2	Từ tháng 1 đến giữa tháng 7 năm sau đối với vùng 1 và từ tháng 1 đến tháng 4 đối với vùng 2	Từ tháng 5 đến cuối tháng 7 đối với vùng 1 và tháng 3,4 đối với vùng 2

Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V đề nghị các xã, chủ rừng, các đơn vị có liên quan tập trung thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn cháy rừng xảy ra theo Quyết định số 150/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa./.